| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN HAI BÀ TRƯNG**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>**-----***-----** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br>**-----***-----** |
| Số: **121/**2021/QĐST-HNGĐ | *Hà Nội*, ngày 29 tháng 6 năm 2021 |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 389/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N** – sinh năm: 1985

HKTT và chỗ ở hiện nay: Số.. ngách.. ngõ.. A, phường Y, quận T, Hà Nội

- **Bị đơn: Anh Lê Quốc T**– sinh năm: 1983

HKTT và chỗ ở hiện nay: số 88 N, quận H, Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]. Về hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị Bích N và Anh Lê Quốc T cùng xác nhận: anh, chị kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, Hà Nội ngày 17/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số 06 ngõ 163 phường T,quận H, Hà Nội (đây là nhà của bố mẹ anh T). Anh, chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015. Nay xác định không thể khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, nên thuận tình ly hôn.

**[2]. Về con chung**: chị N và Anh T cùng xác nhận có 02 con chung là Lê Bảo N, sinh ngày 20/8/2012 và Lê Bảo C, sinh ngày 05/9/2014. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục. Anh, chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

**[3]. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung**: anh chị cùng xác nhận không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

**[4]. Về án phí**: Chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân

* Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Bích N và Anh Lê Quốc T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: chị N và Anh T cùng xác nhận có 02 con chung là Lê Bảo N, sinh ngày 20/8/2012 và Lê Bảo C, sinh ngày 05/9/2014. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh, chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ: anh chị cùng xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện chịu cả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/011562 ngày 15/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại Chị Nguyễn Thị Bích N 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận**:
*- Đương sự;*
*- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
*- UBND phường N, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*
*(Số 04/2012 quyển số 01/2012 ngày 17/01/2012);*
*-THA quận Hai Bà Trưng;*
*- Lưu Hồ sơ.*

**Phan Thanh Hà**